

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ – ĐỀ 5

MÔN: TIẾNG ANH 5



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. Odd one out

1.

- A. football
- B. song
- C. tennis
- D. badminton

2.

- A. festival
- B. week
- C. year
- D. month

3.

- A. sing
- B. play
- C. draw
- D. yesterday

4.

- A. am
- B. is
- C. are
- D. do

5.

- A. kind
- B. brave
- C. generous
- D. project

II. Find ONE mistake in each sentence and correct it.

1. My parents took me at the zoo yesterday.
2. How many subject do you have today?
3. They didn't had dinner at home yesterday evening.
4. They have PE two a week.
5. My sister reading a book at the moment.

III. Choose the correct answer

1. Is that _____ house?

- A. you
- B. your
- C. my
- D. he

2. He likes _____ a bike.

- A. ride
- B. rode
- C. riding
- D. rides

3. What ____ you do yesterday?

- A. did
- B. do
- C. are
- D. is

4. She thinks she _____ at home and do homework tomorrow.

- A. staying
- B. stay
- C. stays
- D. will stay

5. I don't like Maths ____ I find it difficult.

- A. but
- B. so
- C. because
- D. how

6. _____ do you learn English? – I do a lot of exercises and speak English with my friends every day.

- A. What
- B. How
- C. When
- D. Where

7. I ____ go to school by bus. I walk to school.

- A. don't
- B. am not
- C. like
- D. doesn't

8. He teaches students at school. He is a _____.

- A. teacher
- B. worker
- C. doctor
- D. cook

IV. Read and answer.

Hello, I am Lan. I often visit my grandparents in a small village at the weekend. My grandparents' house is big. There is a large yard in front of the house. Its roof is red and its walls are yellow. There are two doors and six windows. They are both green. There are a lot of trees and flowers around the house. The gate is black and the fence is brown. My grandparents' house is near a big lake. I enjoy going fishing with my grandfather there because I find it really relaxing. Besides, I feel excited about my grandmother's garden behind the house. That is very memorable.

1. When does Lan often visit her grandparents?

_____.

2. How many windows does the house have?

_____.

3. Why does she like going fishing with her grandfather?

_____.

4. What color is the gate?

_____.

5. Why does Lan feel excited about her grandmother's garden?

_____.

V. Read and complete sentences with the available words

Primary	generous	build
different	newcomer	guess

1. When you learn new words, you should try to _____ their meaning before look it up in the dictionary.

2. There is a new student in our class. She is a _____.

3. I am eight. I'm learning at a _____ school.

4. I think I will _____ sandcastles when I go to the beach next summer.

5. Han has many foreign friends who come from _____ countries in the world.

6. Our neighbor is very _____ and kind. He usually gives us some home-cooked food.

-----THE END-----

ĐÁP ÁN

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

I. Odd one out

1. B	2. A	3. D	4. D	5. D
------	------	------	------	------

II. Find ONE mistake in each sentence and correct it.

- at => to
- subject => subjects
- had => have
- two => twice
- reading => is reading

III. Choose the correct answer

1. B	2. C	3. A	4. D
5. C	6. B	7. A	8. A

IV. Read and answer.

- She often visits her grandparents at the weekend.
- It has six windows./ There are six windows.
- Because she finds it relaxing.
- It's black.
- Because she thinks/feels it is very memorable.

V. Read and complete sentences with the available words

1. guess	2. newcomer	3. Primary
4. build	5. different	6. generous

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

I. Odd one out

1. B

Football (n): môn bóng đá

Song (n): bài hát

Tennis (n): môn quần vợt

Badminton (n): môn cầu lông

Giải thích: 3 phương án A, C, D đều là các danh từ thuộc chủ đề thể thao, phương án B không phải từ thuộc chủ đề này.

2. A

Festival (n): lễ hội

Week (n): tuần

Year (n): *năm*

Month (n): *tháng*

Giải thích: Các phương án B, C, D đều là những danh từ chỉ ngày tháng năm, đáp án A không phải từ thuộc phạm vi này.

3. D

Sing (v): *hát*

Play (v): *chơi*

Draw (v): *vẽ*

Yesterday (n): *ngày hôm qua*

Giải thích: Đáp án D là danh từ, các phương án còn lại đều là động từ.

4. D

Giải thích: Đáp án D là trợ động từ, các phương án còn lại đều là động từ to be.

5. D

kind (adj): *tốt bụng*

brave (adj): *dũng cảm*

generous (adj) *hào phóng*

project (n): *dự án*

Giải thích: Đáp án D là danh từ, các phương án còn lại đều là tính từ.

II. Find ONE mistake in each sentence and correct it.

1. at => to

Giải thích: Take someone **to** some: đưa ai đó đến đâu

Sửa: My parents took me **to** the zoo yesterday.

(*Hôm qua bố mẹ đã đưa tôi đến sở thú.*)

2. subject => subjects

Giải thích: Trong câu hỏi về số lượng của danh từ đếm được, sau “How many” luôn luôn là **danh từ số nhiều**.

Sửa: How many **subjects** do you have today?

(*Hôm nay bạn có mấy môn học?*)

3. had => have

Giải thích: Trong câu nếu có mặt trợ động từ (do/does/did) thì động từ chính luôn ở dạng nguyên mẫu.

Sửa: They didn't **have** dinner at home yesterday evening.

(*Tối hôm qua họ đã không ăn tối ở nhà.*)

4. two => twice

Giải thích: chúng ta có trạng từ chỉ tần suất: **twice a week (2 lần một tuần)**

Sửa: They have PE **twice** a week.

(*Họ học môn thể dục 2 lần một tuần.*)

5. reading => is reading

Giải thích: “at the moment” là dấu hiệu của thì hiện tại tiếp diễn. Chúng ta có cấu trúc câu khẳng định ở thì hiện tại tiếp diễn: **S + to be + V-ing.**

Sửa: My sister **is reading** a book at the moment.

(Chị gái tôi bây giờ đang đọc sách.)

III. Choose the correct answer

1. B

Vị trí của chỗ trống là sau động từ to be và trước danh từ nên nó phải là một tính từ sở hữu.

Is that **your** house? (Đó có phải nhà của bạn không?)

2. C

like + V-ing: thích làm gì

He likes **riding** a bike. (Anh ấy thích đi xe đạp.)

3. A

“Yesterday” là dấu hiệu của thì quá khứ đơn. Chúng ta có cấu trúc câu hỏi với từ để hỏi ở thì quá khứ đơn: **Wh + did + S + động từ nguyên thể?**

What **did** you do yesterday? (Hôm qua bạn đã làm gì vậy?)

4. D

“Tomorrow” là dấu hiệu của thì tương lai đơn nên câu này chúng ta chỉ ở thì tương lai đơn.

Cấu trúc câu khẳng định của thì tương lai đơn: **S + will + động từ nguyên thể.**

She thinks she **will stay** at home and do homework tomorrow.

(Cô ấy nghĩ cô ấy sẽ ở nhà và làm bài tập vào ngày mai.)

5. C

“Because” được dùng để thể hiện mối quan hệ nguyên nhân – kết quả.

I don't like Maths **because** I find it difficult.

(Mình không thích môn toán và mình cảm thấy nó thật khó.)

6. B

How: như thế nào, bằng cách nào (hỏi về cách thức)

How do you learn English? – I do a lot of exercises and speak English with my friends every day.

(Cậu học tiếng Anh như thế nào? – Mình làm nhiều bài tập và nói tiếng Anh với bạn mình mỗi ngày.)

7. A

Cấu trúc câu phủ định với động từ thường ở thì hiện tại đơn:

S + don't/doesn't + động từ nguyên thể.

Vì chủ ngữ câu này là “I” nên ta dùng “don't”.

I **don't** go to school by bus. I walk to school.

(Mình không đến trường bằng xe buýt. Mình đi bộ đi học.)

8. A

teacher (n): *giáo viên*

worker (n): *công nhân*

doctor (n): *bác sĩ*

cook (n): *đầu bếp*

He teaches students at school. He is a **teacher**.

(*Anh ấy dạy học sinh ở trường học. Anh ấy là một giáo viên.*)

IV. Read and answer.

Hello, I am Lan. I often visit my grandparents in a small village at the weekend. My grandparents' house is big. There is a large yard in front of the house. Its roof is red and its walls are yellow. There are two doors and six windows. They are both green. There are a lot of trees and flowers around the house. The gate is black and the fence is brown. My grandparents' house is near a big lake. I enjoy going fishing with my grandfather there because I find it really relaxing. Besides, I feel excited about my grandmother's garden behind the house. That is very memorable.

Tạm dịch:

Xin chào, tôi là Lan. Tôi thường về thăm ông bà ở một ngôi làng nhỏ vào cuối tuần. Nhà của ông bà tôi rất lớn. Có một cái sân rộng trước nhà. Mái nhà màu đỏ và tường màu vàng. Có hai cửa ra vào và sáu cửa sổ. Chúng đều có màu xanh lá cây. Xung quanh nhà có rất nhiều cây và hoa. Cổng màu đen và hàng rào màu nâu. Nhà ông bà tôi gần một cái hồ lớn. Tôi thích đi câu cá với ông tôi ở đó vì tôi thấy nó thực sự thư giãn. Ngoài ra, tôi cảm thấy thích thú với khu vườn phía sau nhà của bà tôi nữa. Nó đầy ắp những kỉ niệm.

1. When does Lan often visit her grandparents?

(*Lan thường đi thăm ông bà vào khi nào?*)

=> She often visits her grandparents at the weekend.

(*Cô ấy thường đi thăm ông bà vào cuối tuần.*)

Thông tin: I often visit my grandparents in a small village at the weekend. (*Tôi thường về thăm ông bà ở một ngôi làng nhỏ vào cuối tuần.*)

2. How many windows does the house have?

(*Ngôi nhà có bao nhiêu cái cửa sổ?*)

=> It has six windows./ There are six windows.

(*Có 6 cửa sổ.*)

Thông tin: There are two doors and six windows. (*Có hai cửa ra vào và sáu cửa sổ.*)

3. Why does she like going fishing with her grandfather?

(*Tại sao cô ấy lại thích đi câu cá cùng ông?*)

=> Because she finds it relaxing.

(*Bởi vì cô ấy cảm thấy nó thư giãn.*)

Thông tin: I enjoy going fishing with my grandfather there because I find it really relaxing. (*Tôi thích đi câu cá với ông tôi ở đó vì tôi thấy nó thực sự thư giãn.*)

4. What color is the gate? (Cái cổng màu gì?)

=> It's black. (Nó màu đen.)

Thông tin: The gate is black and the fence is brown. (Cái cổng màu đen và hàng rào màu nâu.)

5. Why does Lan feel excited about her grandmother's garden?

(Tại sao Lan lại cảm thấy thích thú về ngôi vườn của bà cô ấy?)

=> Because she thinks/feels it is very memorable.

(Bởi vì cô ấy cảm thấy nó đầy ắp kỉ niệm.)

Thông tin: Besides, I feel excited about my grandmother's garden behind the house. That is very memorable. (Ngoài ra, tôi cảm thấy thích thú với khu vườn phía sau nhà của bà tôi. Nơi đó đầy ắp những kỉ niệm.)

V. Read and complete sentences with the available words

1. When you learn new words, you should try to **guess** their meaning before look it up in the dictionary.

(Khi học từ mới, bạn nên cố gắng đoán nghĩa của chúng trước khi tra trong từ điển.)

2. There is a new student in our class. She is a **newcomer**.

(Có một học sinh mới trong lớp chúng ta. Cô ấy là người mới đến.)

3. I am eight. I'm learning at a **Primary** school.

(Mình 8 tuổi. Mình đang học ở trường tiểu học.)

4. I think I will **build** sandcastles when I go to the beach next summer.

(Mình nghĩ mình sẽ xây lâu đài cát khi mình đến bãi biển vào mùa hè tới.)

5. Han has many foreign friends who come from **different** countries in the world.

(Hàn có nhiều bạn người nước ngoài đến từ những đất nước khác nhau trên thế giới.)

6. Our neighbor is very **generous** and kind. He usually gives us some home-cooked food.

(Hàng xóm của chúng tôi rất hào phóng và tốt bụng. Anh ấy thường cho chúng tôi đồ ăn nhà làm.)

Nguồn: Suu tầm và biên soạn